

**PHỤ LỤC 2****ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN CỤ THỂ THEO PT2 ĐỐI VỚI MỖI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Kèm theo Thông báo số 496/TB-ĐHSPHN ngày 10/4/2026 của Trường ĐHSP Hà Nội)

1. Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên*a) Nhóm ngành khoa học giáo dục*

STT	Chương trình đào tạo <i>Tên chương trình, mã xét tuyển</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>		
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n_1</i>
1.	Giáo dục học <i>(Giáo dục và truyền thông)</i> <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026)</i> <i>Mã xét tuyển: 7140101</i>	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp
2.	Quản lý giáo dục <i>Mã xét tuyển: 7140114</i>	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp

b) Nhóm ngành đào tạo giáo viên

STT	Chương trình đào tạo <i>Tên chương trình, mã xét tuyển</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>		
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm n₂</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n₁</i>
1.	GD Mầm non <i>Mã xét tuyển: 7140201</i>	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600
2.	GD Mầm non - SP Tiếng Anh <i>Mã xét tuyển: 7140201K</i>	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600
3.	GD Tiểu học <i>Mã xét tuyển: 7140202</i>	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600
4.	GD Tiểu học - SP Tiếng Anh <i>Mã xét tuyển: 7140202K</i>	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600
5.	GD đặc biệt <i>Mã xét tuyển: 7140203</i>	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELFL từ B1 trở lên; TCF \geq 300; HSK \geq 4 và HSKK trung cấp
6.	GD công dân <i>Mã xét tuyển: 7140204</i>	Tất cả các đội tuyển	GDKT&PL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELFL từ B1 trở lên; TCF \geq 300; HSK \geq 4 và HSKK trung cấp

STT	Chương trình đào tạo <i>Tên chương trình, mã xét tuyển</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>		
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm n₂</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n₁</i>
7.	GD chính trị <i>Mã xét tuyển: 7140205</i>	Tất cả các đội tuyển	GDKT&PL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELFL từ B1 trở lên; TCF \geq 300; HSK \geq 4 và HSKK trung cấp
8.	GD thể chất <i>Mã xét tuyển: 7140206</i>	<i>Theo quy định riêng</i>	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELFL từ B1 trở lên; TCF \geq 300; HSK \geq 4 và HSKK trung cấp
9.	GD Quốc phòng và An ninh <i>Mã xét tuyển: 7140208</i>	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, Toán	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELFL từ B1 trở lên; TCF \geq 300; HSK \geq 4 và HSKK trung cấp
10.	SP Toán học <i>Mã xét tuyển: 7140209</i>	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600
11.	SP Toán học (dạy Toán bằng tiếng Anh) <i>Mã xét tuyển: 7140209K</i>	Toán, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600
12.	SP Tin học <i>Mã xét tuyển: 7140210</i>	Tin học, Toán, Vật lí, Hóa học; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Tin học	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600

STT	Chương trình đào tạo <i>Tên chương trình, mã xét tuyển</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thi sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>		
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm n₂</i>	<i>Chỉ số ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n₁</i>
13.	SP Tin học <i>(dạy Tin học bằng tiếng Anh)</i> Mã xét tuyển: 7140210K	Tin học, Toán, Vật lí, Hóa học, Tiếng Anh; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Tin học	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600
14.	SP Vật lí Mã xét tuyển: 7140211	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600
15.	SP Vật lí <i>(dạy Vật lí bằng tiếng Anh)</i> Mã xét tuyển: 7140211K	Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600
16.	SP Hoá học Mã xét tuyển: 7140212	Hóa học, Toán, Vật lí	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600
17.	SP Hoá học <i>(dạy Hóa học bằng tiếng Anh)</i> Mã xét tuyển: 7140212K	Hóa học, Toán, Vật lí	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600
18.	SP Sinh học Mã xét tuyển: 7140213	Sinh học, Hóa học, Vật lí, Toán; NCKHKT	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600

STT	Chương trình đào tạo <i>Tên chương trình, mã xét tuyển</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thi sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>		
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n_1</i>
19.	SP Ngữ văn <i>Mã xét tuyển: 7140217</i>	Ngữ văn	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600
20.	SP Lịch sử <i>Mã xét tuyển: 7140218</i>	Ngữ văn, Lịch sử	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600
21.	SP Địa lí <i>Mã xét tuyển: 7140219</i>	Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử	Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600
22.	SP Âm nhạc <i>Mã xét tuyển: 7140221</i>	<i>Theo quy định riêng</i>	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp
23.	SP Mỹ thuật <i>Mã xét tuyển: 7140222</i>	<i>Theo quy định riêng</i>	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0 ; TOEFL iBT ≥ 61 ; TOEIC ≥ 600 ; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300 ; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp

STT	Chương trình đào tạo <i>Tên chương trình, mã xét tuyển</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>		
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n_1</i>
24.	SP Tiếng Anh <i>Mã xét tuyển: 7140231</i>	Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS \geq 6.5; TOEFL iBT \geq 79
25.	SP Tiếng Pháp <i>Mã xét tuyển: 7140233</i>	Tiếng Pháp, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELTA từ B1 trở lên (DELTA B1 tout public hoặc junior), TCF \geq 300
26.	SP Công nghệ <i>Mã xét tuyển: 7140246</i>	Toán, Vật lý, Công nghệ, Tin học; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Công nghệ	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600
27.	SP Khoa học tự nhiên <i>Mã xét tuyển: 7140247</i>	Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học	Vật lý, Hóa học, Sinh học	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600
28.	SP Lịch sử - Địa lí <i>Mã xét tuyển: 7140249</i>	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600

Lưu ý:

- Sinh viên học các chương trình đào tạo giáo viên (sư phạm) được hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt (*nếu đăng ký và cam kết phục vụ trong ngành giáo dục*). Nếu sinh viên **không** đăng ký hưởng hỗ trợ sẽ tự túc nộp học phí theo quy định của Trường.

- Thí sinh trúng tuyển ngành SP Sinh học sau khi nhập học nếu có nguyện vọng thì có thể đăng ký dự tuyển vào học chương trình đào tạo giáo viên dạy bằng tiếng Anh: SP Sinh học (dạy Sinh học bằng tiếng Anh).

- Thí sinh trúng tuyển các chương trình đào tạo: SP Toán, SP Vật lý, SP Hóa học, SP Sinh học, SP Ngữ văn, SP Lịch sử, SP Địa lý, sau khi nhập học, nếu có nguyện vọng thì có thể đăng ký dự tuyển vào hệ chất lượng cao của các chương trình đào tạo này.

- Nhà trường cập nhật chỉ tiêu chính thức đối với các chương trình đào tạo giáo viên sau khi nhận được Công văn của Bộ GDĐT về phân bổ số lượng chỉ tiêu năm 2026.

2. Lĩnh vực nhân văn

STT	Chương trình đào tạo <i>Tên chương trình, mã xét tuyển</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>		
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm n₂</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n₁</i>
1.	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam <i>- tuyển sinh người Việt Nam Mã xét tuyển: 7220101</i>	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELF từ B1 trở lên; TCF \geq 300; HSK \geq 4 và HSKK trung cấp
2.	Ngôn ngữ Anh <i>Mã xét tuyển: 7220201</i>	Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS \geq 6.5; TOEFL iBT \geq 79
3.	Ngôn ngữ Pháp <i>(Tiếng Pháp ứng dụng và giao tiếp quốc tế) (bắt đầu tuyển sinh từ 2026) Mã xét tuyển: 7220203</i>	Tiếng Pháp, Tiếng Anh	Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELF từ B1 trở lên (DELF B1 tout public hoặc junior), TCF \geq 300

STT	Chương trình đào tạo <i>Tên chương trình, mã xét tuyển</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>		
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm n₂</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n₁</i>
4.	Ngôn ngữ Trung Quốc <i>Mã xét tuyển: 7220204</i>	Tiếng Anh, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Pháp, Ngữ văn	Toán, Ngữ văn, Tiếng Trung Quốc	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; HSK \geq 4 và HSKK trung cấp
5.	Triết học <i>(Triết học Mác Lê-nin)</i> <i>Mã xét tuyển: 7229001</i>	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF \geq 300; HSK \geq 4 và HSKK trung cấp
6.	Lịch sử <i>Mã xét tuyển: 7229010</i>	Ngữ văn, Lịch sử	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600
7.	Văn học <i>Mã xét tuyển: 7229030</i>	Ngữ văn	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF \geq 300; HSK \geq 4 và HSKK trung cấp

3. Lĩnh vực khoa học xã hội và hành vi

STT	Chương trình đào tạo <i>Tên chương trình, mã xét tuyển</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>		
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm n₂</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n₁</i>
1.	Chính trị học <i>Mã xét tuyển: 7310201</i>	Tất cả các đội tuyển	GDKT&PL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF \geq 300; HSK \geq 4 và HSKK trung cấp
2.	Xã hội học <i>Mã xét tuyển: 7310301</i>	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF \geq 300; HSK \geq 4 và HSKK trung cấp
3.	Tâm lý học <i>(Tâm lý học trường học)</i> <i>Mã xét tuyển: 7310401</i>	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF \geq 300; HSK \geq 4 và HSKK trung cấp
4.	Tâm lý học giáo dục <i>Mã xét tuyển: 7310403</i>	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF \geq 300;

STT	Chương trình đào tạo <i>Tên chương trình, mã xét tuyển</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>		
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm n₂</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n₁</i>
				HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp
5.	Địa lí học <i>(Địa lí tài nguyên và môi trường)</i> <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026)</i> <i>Mã xét tuyển: 7310501</i>	Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử	Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600
6.	Quốc tế học <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026)</i> <i>Mã xét tuyển: 7310601</i>	Ngữ văn, Lịch sử	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600
7.	Việt Nam học <i>- tuyển sinh người Việt Nam</i> <i>Mã xét tuyển: 7310630</i>	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Tiếng Anh	GDKT&PL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS ≥ 6.0; TOEFL iBT ≥ 61; TOEIC ≥ 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF ≥ 300; HSK ≥ 4 và HSKK trung cấp

4. Lĩnh vực khoa học sự sống

STT	Chương trình đào tạo <i>Tên chương trình, mã xét tuyển</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>		
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n_1</i>
1.	Sinh học <i>Mã xét tuyển: 7420101</i>	Sinh học, Hóa học, Vật lý, Toán, Địa lý; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Sinh học	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600
2.	Công nghệ sinh học <i>Mã xét tuyển: 7420201</i>	Sinh học, Hóa học, Vật lý, Toán; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Sinh học	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600

5. Lĩnh vực khoa học tự nhiên

STT	Chương trình đào tạo <i>Tên chương trình, mã xét tuyển</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>		
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm n_2</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n_1</i>
1.	Vật lý học <i>(Vật lý bán dẫn và kỹ thuật)</i> <i>Mã xét tuyển: 7440102</i>	Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Vật lý	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600
2.	Hóa học <i>Mã xét tuyển: 7440112</i>	Hóa học, Toán, Vật lý	Toán, Tiếng Anh, Hóa học	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600

STT	Chương trình đào tạo Tên chương trình, mã xét tuyển	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội		
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n_1
3.	Hóa học (Hóa dược) <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026)</i> Mã xét tuyển: 7440112D	Hóa học, Toán, Vật lý	Toán, Tiếng Anh, Hóa học	IELTS \geq 6.0; TOEFL IBT \geq 61; TOEIC \geq 600

6. Lĩnh vực Toán và thống kê

STT	Chương trình đào tạo Tên chương trình, mã xét tuyển	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội		
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n_1
1.	Toán học Mã xét tuyển: 7460101	Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học; NCKHKT	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	IELTS \geq 6.0; TOEFL IBT \geq 61; TOEIC \geq 600
2.	Khoa học dữ liệu <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026)</i>	Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học; NCKHKT	Toán, Tin học, Tiếng Anh	IELTS \geq 6.0; TOEFL IBT \geq 61; TOEIC \geq 600

7. Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin

STT	Chương trình đào tạo Tên chương trình, mã xét tuyển	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội		
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm n_2	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n_1
1.	Trí tuệ nhân tạo <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026)</i>	Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh;	Toán, Tiếng Anh, Tin học	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61;

STT	Chương trình đào tạo Tên chương trình, mã xét tuyển	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội		
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm n_2	Chỉ số ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n_1
	Mã xét tuyển: 7480107	NCKHKT		TOEIC \geq 600
2.	Công nghệ thông tin Mã xét tuyển: 7480201	Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh; NCKHKT	Toán, Tiếng Anh, Tin học	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600

8. Lĩnh vực Dịch vụ xã hội

STT	Chương trình đào tạo Tên chương trình, mã xét tuyển	Phương thức 2 - xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội		
		Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển	Tổ hợp môn - xét cộng điểm n_2	Chỉ số ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n_1
1.	Công tác xã hội Mã xét tuyển: 7760101	Tất cả các đội tuyển	Ngữ văn, Lịch sử, Ngoại ngữ	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF \geq 300; HSK \geq 4 và HSKK trung cấp
2.	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật Mã xét tuyển: 7760103	Tất cả các đội tuyển	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELTA từ B1 trở lên; TCF \geq 300; HSK \geq 4 và HSKK trung cấp

9. Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân

STT	Chương trình đào tạo <i>Tên chương trình, mã xét tuyển</i>	Phương thức 2 <i>- xét tuyển thí sinh có năng lực, thành tích vượt trội</i>		
		<i>Đội tuyển HSG - ưu tiên xét tuyển</i>	<i>Tổ hợp môn - xét cộng điểm n₂</i>	<i>Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế - xét cộng điểm n₁</i>
1.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành <i>Mã xét tuyển: 7810103</i>	Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử, Địa lí	GDKT&PL, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELFL từ B1 trở lên; TCF \geq 300; HSK \geq 4 và HSKK trung cấp
2.	Huấn luyện thể thao <i>(bắt đầu tuyển sinh từ 2026)</i> <i>Mã xét tuyển: 7810302</i>	<i>Theo quy định riêng</i>	Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ	IELTS \geq 6.0; TOEFL iBT \geq 61; TOEIC \geq 600; DELFL từ B1 trở lên; TCF \geq 300; HSK \geq 4 và HSKK trung cấp

Lưu ý: Trường cho phép sinh viên đang theo học, nếu có đủ năng lực và đáp ứng các điều kiện theo quy định, được đăng ký học đồng thời hai chương trình đào tạo. Sinh viên hoàn thành đầy đủ yêu cầu của từng chương trình sẽ được cấp hai văn bằng theo quy định hiện hành.